

# THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 02/2006/TT-BTC NGÀY 16 THÁNG 01 NĂM 2006  
HƯỚNG DẪN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 270/2005/QĐ-TTg  
NGÀY 31/10/2005 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC TỔ CHỨC  
HUY ĐỘNG, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN TIỀN GỬI  
TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN

## I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam được tổ chức dịch vụ tiết kiệm bưu điện nhằm huy động nguồn tiền nhàn rỗi của dân cư theo Quyết định số 270/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ để chuyển cho Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay các dự án đầu tư, cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo chủ trương của Chính phủ.

2. Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam được cung ứng một số dịch vụ ngân hàng theo qui định tại Luật Các tổ chức tín dụng số 07/1997/QHX ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004.

3. Tổ chức được Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam giao thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện thực hiện chế độ tài chính theo Quy chế tài chính của Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp Nhà nước.

Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính đối với hoạt động dịch vụ tiết kiệm Bưu điện.

## II. NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ

1. Về huy động và sử dụng nguồn vốn tiết kiệm bưu điện:

a) Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam được phép huy động nguồn tiền nhàn rỗi của dân cư dưới các hình thức:

- Nhận tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác theo qui định của pháp luật.

b) Lãi suất huy động tiết kiệm phải đảm bảo phù hợp với lãi suất thị trường và phù hợp với mặt bằng lãi suất tại từng thời điểm.

c) Nguồn vốn huy động tiết kiệm bưu điện được tập trung điều chuyển qua tài khoản tiền gửi của Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện mở tại các ngân hàng thương mại và được sử dụng như sau:

- Giữ lại một phần theo qui định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đảm bảo chi trả thường xuyên cho người gửi tiền khi đến hạn hoặc có nhu cầu rút tiền đột xuất.

- Chuyển vốn cho Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo chủ trương của Chính phủ.

- Nguồn vốn còn lại nếu Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội không có nhu cầu vay thêm thì được dùng để: Mua, mua lại giấy tờ có giá do Chính phủ, Kho bạc Nhà nước phát hành, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Mua lại trái phiếu do Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành.

2. Vào quý IV hàng năm, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội thống nhất kế hoạch chuyển giao vốn năm kế hoạch báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

3. Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam chuyển vốn cho Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội theo mức lãi suất trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn, phát hành theo phương thức đấu thầu gần nhất trong tháng. Trường hợp trong tháng không có đợt phát hành trái phiếu Chính phủ cùng loại, Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội làm việc cụ thể với Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam để xác định mức lãi suất, bảo đảm không vượt mức trần lãi suất trái phiếu Chính phủ của tháng đó do Bộ Tài chính thông báo cho Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội.

Việc chuyển giao, tiếp nhận, sử dụng và hoàn trả nguồn vốn tiết kiệm bưu điện giữa Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội hàng năm được thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn giữa Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội (Mẫu hợp đồng theo phụ Biểu số 1 đính kèm). Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm giao đủ và đúng cơ cấu số vốn theo tiến độ mà Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội và Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đã thoả thuận trong hợp đồng vay.

Mỗi lần chuyển vốn vay được thực hiện bằng một chứng chỉ cho vay do Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện phát hành (Mẫu chứng chỉ cho vay theo phụ Biểu số 2 đính kèm).

4. Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm tiếp nhận nguồn vốn tiết kiệm bưu điện để cho vay đối với các dự án đầu tư, cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo qui định của Chính phủ; cho vay đúng mục đích, thu hồi vốn cho vay và hoàn trả đầy đủ cả vốn và lãi cho Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Việc trả nợ gốc và lãi của Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội cho Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam thực hiện như sau:

- Nợ gốc: Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm bố trí nguồn vốn để trả cho Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đầy đủ, kịp thời theo hợp đồng vay vốn.

- Trả lãi: Lãi vay được tính từ ngày tiền vay được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội. Lãi vay được tính theo phương pháp tích số, một năm 365 ngày.

5. Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện được cung cấp cho khách hàng các loại hình dịch vụ theo qui định tại Điều 4 Quyết định số 270/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- Dịch vụ thanh toán;
- Dịch vụ chuyển tiền mặt và kiều hối;
- Đại lý nhận uỷ thác phát hành trái phiếu và các loại hình dịch vụ đại lý tài chính khác.

Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện chỉ được cung cấp các loại hình dịch vụ nêu trên khi đáp ứng đủ điều kiện và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo qui định của pháp luật hiện hành.

6. Về quản lý các khoản thu, chi của Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện:

a) Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện có trách nhiệm hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu phát sinh, bao gồm:

- Thu lãi tiền gửi.
- Thu lãi giấy tờ có giá.
- Thu phí cung ứng các loại hình dịch vụ: dịch vụ thanh toán; dịch vụ chuyển tiền mặt và kiều hối; đại lý, nhận uỷ thác phát hành trái phiếu và dịch vụ đại lý tài chính khác.
- Thu khác.

b) Tổ chức dịch vụ tiết kiệm bưu điện được chi cho hoạt động theo các nội dung sau đây:

- Chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm cho dân cư theo nguyên tắc đúng hạn và kịp thời;
- Chi phí chuyển tiền;
- Chi bù đắp rủi ro nghiệp vụ bao gồm: Rủi ro trong thanh toán và rủi ro ngân quỹ do các nguyên nhân khách quan được xử lý theo chế độ hiện hành;
- Chi quản lý hoạt động của Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện như chi lương, chi đào tạo huấn luyện nghiệp vụ, lễ tân khánh tiết, chi in ấn chỉ ... theo chế độ Nhà nước qui định;
- Chi khác.

7. Về chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính của Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện:

Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, lập báo cáo quyết toán tài chính của hoạt động Dịch vụ tiết kiệm bưu điện theo qui định tại của Luật kế toán, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật kế toán và chế độ kế toán hoạt động dịch vụ tiết kiệm bưu điện do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo quyết toán tài chính được gửi cho các cơ quan liên quan theo qui định hiện hành, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức tài chính).

8. Về lập kế hoạch: Hàng năm, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính về hoạt động dịch vụ tiết kiệm bưu điện gửi cho các cơ quan liên quan theo qui định hiện hành, đồng thời gửi Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức tài chính) trong Quý IV năm trước gồm:

- Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn.
- Kế hoạch thu nhập, chi phí kết quả kinh doanh và chỉ tiêu Nộp ngân sách Nhà nước.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng nguồn vốn, đảm bảo chi trả cho dân cư và chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính Nhà nước theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Thông tư này thay thế Thông tư số 40/1999/TT-BTC ngày 15/4/1999 và Thông tư số 68/1999/TT-BTC ngày 7/6/1999 của Bộ Tài chính.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, bổ sung, sửa đổi kịp thời.

KT/BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Thị Băng Tâm

**Biểu số 01**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ VIỆC VAY VỐN GIỮA  
TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VIỆT NAM VÀ  
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN (NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI)**

Số:...../HĐ

- Căn cứ Quyết định số 270/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn tiền gửi tiết kiệm bưu điện;

- Căn cứ... Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm của Thủ tướng Chính phủ về việc.....

Hôm nay, ngày.....tháng .....năm ....., chúng tôi gồm:

1. Đại diện Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam:

Ông/Bà: ..... Chức vụ:

2. Đại diện Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội):

Ông/Bà:..... Chức vụ: Tổng Giám đốc

Tiến hành ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc vay vốn do Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam huy động cho Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) vay theo Quyết định số 270/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 1:** Trong năm....., Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam sẽ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) vay số vốn là .....với cơ cấu như sau:

Kỳ hạn 1 năm:

Kỳ hạn 2 năm:

Kỳ hạn 3 năm:

Kỳ hạn 5 năm:

.....:

Chi tiết giao nhận vốn quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Hợp đồng nguyên tắc này.

**Điều 2:** Mỗi lần chuyển vốn vay, Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) và Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện sẽ ký trên chứng chỉ nợ (Biểu

số 02 kèm theo Hợp đồng này) trong đó có nêu cụ thể về số lượng vốn vay, thời hạn vay, lãi suất áp dụng, phương thức thanh toán nhưng không trái với Hợp đồng nguyên tắc này.

**Điều 3:** Lãi suất Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam cho Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) vay được xác định theo mức lãi suất trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn, phát hành theo phương thức đấu thầu gần nhất trong tháng. Trường hợp trong tháng không có đợt phát hành trái phiếu Chính phủ cùng loại, Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) làm việc cụ thể với Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam để xác định mức lãi suất, bảo đảm không vượt mức trần lãi suất trái phiếu Chính phủ của tháng đó do Bộ Tài chính thông báo cho Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội). Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản vay sẽ được cố định trong suốt thời gian kể từ ngày Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam chuyển tiền cho Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) cho đến khi Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) hoàn trả toàn bộ khoản vay này cho Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam.

**Điều 4:** Phương thức chuyển tiền, hoàn trả nợ gốc và lãi vay:

- Đến thời hạn chuyển tiền, Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam sẽ làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) theo chỉ định của Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) và phát hành chứng chỉ cho vay để Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) biết và ký nhận nợ;

- Phương thức thanh toán nợ gốc và lãi:

+ Đối với nợ gốc: Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm bố trí nguồn vốn để trả cho Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam đầy đủ, kịp thời theo hợp đồng vay vốn.

+ Đối với lãi vay: Lãi vay được tính từ ngày tiền vay được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ngân hàng Chính sách xã hội. Lãi vay được tính theo phương pháp tích số, một năm 365 ngày.

**Điều 5:** Trách nhiệm của Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam:

Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm giao đủ và đúng cơ cấu số vốn theo tiến độ mà Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) và Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam đã thoả thuận trong bản Hợp đồng này;

**Điều 6:** Trách nhiệm của Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội):

Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận vốn do Tổng công ty Bru chính - Viễn thông Việt Nam chuyển, trả nợ tiền gốc và lãi theo đúng quy định tại Điều số 4 trong bản Hợp đồng này

**Điều 7:** Điều chỉnh hợp đồng:

Trường hợp Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam không thể huy động đủ vốn để cho vay Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) theo thoả thuận tại Hợp đồng này hoặc trong trường hợp Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) có nhu cầu vay thêm, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) điều chỉnh hợp đồng để đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội).

**Điều 8:** Hợp đồng nguyên tắc này được ký kết giữa Lãnh đạo Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) và Lãnh đạo Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và được lập thành .....bản chính: Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) giữ 01 bản, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam giữ 01 bản, Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện 01 bản, Bộ Tài chính 01 bản, Bộ Kế hoạch và đầu tư 01 bản ....

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày .....tháng .....năm .....

Đại diện Tổng công ty Bưu chính -  
Viễn thông Việt Nam

Đại diện Quỹ Hỗ trợ phát triển  
(Ngân hàng Chính sách xã hội)

**PHỤ LỤC SỐ 1**  
**CHI TIẾT GIAO NHẬN VỐN GIỮA TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỊCH VỤ**  
**TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN VÀ QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN**  
**(NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI)**

*(Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc số:..../HD ngày.... tháng.... năm....)*

Đơn vị: Triệu đồng

Loại kỳ hạn	Số tiền giao	Ngày giao (dự kiến)	Ngày hoàn trả (dự kiến)
- Loại kỳ hạn 1 năm			
- Loại kỳ hạn 2 năm			
- Loại kỳ hạn 3 năm			
- Loại kỳ hạn 5 năm			
.....			

Việc điều chỉnh cơ cấu vốn và thời điểm chuyển giao vốn thực hiện theo thoả thuận thống nhất giữa Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện và Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội).



**Biểu số 02**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CHỨNG CHỈ CHO VAY QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN  
(NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI)**

Số:...../DVTKBĐ-QHTPT(NHCSXH)

Thực hiện Quyết định số 270/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn tiền gửi tiết kiệm bưu điện, Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện đã tổ chức huy động vốn cho Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội).

Ngày.... tháng... năm.... Tổ chức thực hiện dịch vụ tiết kiệm bưu điện chuyên cho Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) vay số tiền..... đồng (bằng chữ..... đồng) với các điều khoản chủ yếu sau:

1. Lãi suất:..... % năm;
2. Thời hạn khoản vay:..... năm (..... ngày); tính từ ngày .... tháng.... năm....
3. Nợ gốc, lãi vay trả định kỳ trên cơ sở thoả thuận;

Quỹ Hỗ trợ phát triển (Ngân hàng Chính sách xã hội) đã nhận đủ số vốn nói trên và cam kết: Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi phát sinh).

TỔNG GIÁM ĐỐC QUỸ HTPT  
(NGÂN HÀNG CSXH)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....  
GIÁM ĐỐC TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
DỊCH VỤ TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN